

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TÍNH HỌC PHÍ TÍN CHỈ KHÓA 01
NGÀNH: KẾ TOÁN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP LIÊN THÔNG
NĂM HỌC 2025-2026

DVT: Đồng

STT	MÔN HỌC	Số tín chỉ					Đơn giá tín chỉ				Thành tiền tín chỉ				Tổng học phí
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành lý thuyết	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành	Lý thuyết	Thực hành lý thuyết	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành	Lý thuyết	Thực hành lý thuyết	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành	
I	Tổng chương trình môn học HK1	7													5,247,000
I.1	Chương trình môn	6	4	1	1	0					2,695,000	1,452,000	825,000	-	4,972,000
1	Tiếng Anh	1		1			539,000	726,000	825,000	880,000	-	726,000	-	-	726,000
2	Tin học	1			1		539,000	726,000	825,000	880,000	-	-	825,000	-	825,000
3	Giáo dục chính trị	3	3				539,000	726,000	825,000	880,000	1,617,000	-	-	-	1,617,000
4	Pháp luật	1	1				539,000	726,000	825,000	880,000	539,000	-	-	-	539,000
5	Tài chính tín dụng	2	1	1			539,000	726,000	825,000	880,000	539,000	726,000	-	-	1,265,000
I.2	Chương trình học giáo dục thể chất	1													275,000
II	Tổng chương trình môn học HK2	3													1,804,000
II.1	Chương trình môn	3	2	1	0	0					1,078,000	726,000	-	-	1,804,000
1	Tiếng anh chuyên ngành	3	2	1		0	539,000	726,000	825,000	880,000	1,078,000	726,000	-	-	1,804,000
III	Tổng chương trình môn học HK3	3													1,804,000
III.1	Chương trình môn	3	2	1	0	0					1,078,000	726,000	-	-	1,804,000
1	Kế toán doanh nghiệp thương mại	3	2	1		0	539,000	726,000	825,000	880,000	1,078,000	726,000	-	-	1,804,000
IV	TỔNG CỘNG NĂM 1	13	8	3	1	0					4,851,000	2,904,000	825,000	-	8,855,000

Ngày tháng năm

HIỆU TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÒNG QLĐT&KH

PHỤ TRÁCH KHOA

LẬP BẢNG

ThS. Nguyễn Thế Lực

ThS. Nguyễn Thị Tuyết

ThS. Phạm Thị Dung

ThS. Trần Thị Hoa

ThS. Trần Thị Hoa

BẢNG TÍNH HỌC PHÍ TÍN CHỈ KHÓA 01
NGÀNH: KẾ TOÁN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP LIÊN THÔNG
NĂM HỌC 2026-2027

DVT: Đồng

STT	MÔN HỌC	Số tín chỉ					Đơn giá tín chỉ				Thành tiền tín chỉ				Tổng học phí
		Tổng	Lý thuyết	Thực hành lý thuyết	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành	Lý thuyết	Thực hành lý thuyết	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành	Lý thuyết	Thực hành lý thuyết	Thực hành máy tính	Thực hành chuyên ngành	
I	Tổng chương trình môn học HK1														
I.1	Chương trình môn	8	4	1	3	0					2,156,000	726,000	2,475,000	-	5,357,000
1	Thực hành khai và báo cáo thuế	2			2		539,000	726,000	825,000	880,000	-	-	1,650,000	-	1,650,000
2	Kế toán doanh nghiệp trên phần mềm	3	2		1		539,000	726,000	825,000	880,000	1,078,000	-	825,000	-	1,903,000
3	Thuế	3	2	1			539,000	726,000	825,000	880,000	1,078,000	726,000	-	-	1,804,000
II	Tổng chương trình môn học HK2														
II.1	Chương trình môn	11	4	1	1	5					2,156,000	726,000	825,000	4,400,000	8,107,000
1	Kế toán Excel	3	2		1		539,000	726,000	825,000	880,000	1,078,000	-	825,000	-	1,903,000
2	Phân tích Báo cáo tài chính	3	2	1			539,000	726,000	825,000	880,000	1,078,000	726,000	-	-	1,804,000
3	Thực tập tốt nghiệp	5				5	539,000	726,000	825,000	880,000	-	-	-	4,400,000	4,400,000
IV	TỔNG CỘNG NĂM 2	19	8	2	4	5					4,312,000	1,452,000	3,300,000	4,400,000	13,464,000
Tổng số tín chỉ toàn khóa học		32													22,319,000

HIỆU TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHÒNG QLĐT&KH

PHỤ TRÁCH KHOA

LẬP BẢNG

ThS. Nguyễn Thế Lực

ThS. Nguyễn Thị Tuyết

ThS. Phạm Thị Dung

ThS. Trần Thị Hoa

ThS. Trần Thị Hoa